TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/KDTM-ST
Ngày: 24-02-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Sơn Tây.

2/ Ông Nguyễn Thanh Cần.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Ông Lê Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Anh T - Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 133/2025/TLST-KDTM Ngày 11 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST–KDTM ngày 19 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 03/2026/QĐST–KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH X; địa chỉ trụ sở: Lô A, đường C, khu công nghiệp T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết T1; sinh năm 1990; địa chỉ liên hệ: Tổ D, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 20/10/2025). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH N; địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường K, tổ C, khu phố L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đào Thị Kim P, sinh năm 1997; địa chỉ: Số A đường D - B, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 25/12/2025). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2024 đến tháng 6/2025, giữa Công ty TNHH X (sau đây gọi là Công ty X) và Công ty TNHH N (sau đây gọi là Công ty N) có thoả thuận về việc mua bán hàng hoá. Do hai bên có mối quan hệ quen biết nên việc thoả thuận mua bán hàng hoá giữa hai bên chỉ thông qua lời nói chứ không ký kết hợp đồng bằng văn bản. Theo đó, Công ty X là bên bán; Công ty N là bên mua - hàng hóa là mút xốp. Thực hiện theo thoả thuận giữa hai bên và căn cứ vào nhu cầu hàng hoá của Công ty N từ tháng 12/2024 đến hết tháng 06/2025 Công ty X đã nhiều lần xuất bán hàng hóa cho Công ty N và hàng tháng Công ty X đều có xuất Hóa đơn giá trị gia tăng để yêu cầu Công ty N thanh toán, cụ thể:

- Hóa đơn số 633 ngày 31/12/2024 số tiền 424.212.650 đồng;

- Hóa đơn số 108 ngày 28/02/2025 số tiền 485.641.669 đồng;

- Hóa đơn số 161 ngày 28/3/2025 số tiền 222.851.134 đồng;

- Hóa đơn số 310 ngày 05/6/2025 số tiền 51.513.503 đồng;

Tổng số tiền hàng theo 04 hóa đơn liệt kê trên đây là: 1.184.218.956 đồng Theo thoả thuận giữa hai bên thì trong thời hạn 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng giao hàng, Công ty N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty X 100% giá trị hàng đã giao. Mặc dù, Công ty X đã thực hiện nghiêm chỉnh thoả thuận giữa hai bên, tiến hành giao hàng theo thoả thuận và cũng đã xuất hóa đơn yêu cầu Công ty N thanh toán nhưng phía Công ty N chỉ thực hiện thanh toán được cho Công ty X số tiền 400.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 24/4/2025 thanh toán số tiền 100.000.000 đồng của hoá đơn số 633 ngày 31/12/2024

- Ngày 08/7/2025 thanh toán số tiền 100.000.000 đồng của hoá đơn số 633 ngày 31/12/2024;

- Ngày 23/7/2025 thanh toán số tiền 100.000.000 đồng của hoá đơn số 633 ngày 31/12/2024;

- Ngày 06/8/2025 thanh toán số tiền 100.000.000 đồng của hoá đơn số 633 ngày 31/12/2024;

Số tiền nợ còn lại là 784.218.956 đồng phía Công ty N không tiếp tục thanh toán cho Công ty X.

Xét thấy, việc Công ty N không thực hiện đúng việc thanh toán tiền hàng cho Công ty X là vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận của các bên, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty X. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty X nay chúng tôi yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc Công ty TNHH N phải thanh toán cho Công ty TNHH X số tiền nợ gốc là 784.218.956 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH N phải thanh toán cho Công ty TNHH X số tiền lãi suất tương ứng với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng thương mại tạm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày 30/12/2025 với số tiền là 88.146.728 đồng.

Tổng cộng là: 784.218.956 đồng + 88.146.728 đồng = 872.365.684 đồng.

Tại văn bản trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn ngày 24/02/2026, đại diện nguyên đơn xin được thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, cụ thể:

Sau khi Công ty X khởi kiện thì vào ngày 27/10/2025 bị đơn đã tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, ngày 25/12/2025 bị đơn tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng và đến ngày 24/01/2026 đã thanh toán thêm số tiền 100.000.000 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu:

- Yêu cầu HĐXX buộc Công ty TNHH N phải thanh toán cho Công Ty TNHH X số tiền hàng chưa thanh toán là 484.218.956 đồng (Bốn trăm tám mươi bốn triệu hai trăm mười tám nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng).

- Yêu cầu HĐXX buộc Công ty TNHH N phải thanh toán số tiền lãi suất tương ứng với số tiền chậm thanh toán theo lãi xuất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng thương mại trên trên tổng số tiền nợ tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án là ngày 24/02/2026 với số tiền cụ thể như sau:

+ Tiền gốc: 484.218.956 đồng

+ Tiền lãi chậm trả: 123.245.906 đồng

Tổng cộng: 607.464.862 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo hợp lệ cho Công ty TNHH N, triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần 2 nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH N không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn không tham gia tố tụng là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Các đương sự đều có tư cách pháp nhân, tranh chấp với nhau hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn có trụ sở tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Toà án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh).

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ người đại diện hợp pháp của bị đơn đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giải quyết vắng mặt các đương sự.

[3] Về ký kết**,** thực hiện hợp đồng: Hoá đơn giá trị gia tăng, Bản đối chiếu công nợ, Biên bản thoả thuận do nguyên đơn giao nộp có cơ sở xác định giữa nguyên đơn, bị đơn có quan hệ mua bán hàng hoá với nhau bằng lời nói**.** Xét thấy, H bên có quan hệ mua bán hàng hóa, được thể hiện qua các thỏa thuận bằng lời nói. Việc không ký kết hợp đồng bằng văn bản không làm mất hiệu lực pháp lý của giao dịch. Tại biên bản hoà giải ngày 25/12/2025, đại diện bị đơn đã thừa nhận số nợ chưa thanh toán và đồng ý thanh toán đến hết ngày 15/01/2026 nhưng sau đó không thanh toán. Xét lời thừa nhận nghĩa vụ của đại diện bị đơn là tình tiết không cần phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét thấy, giao dịch mua bán hàng hóa được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có tính ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với các bên tham gia giao dịch. Bên bán đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng hoá, bên mua đã nhận được hàng nhưng không thanh toán tiền mua hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bên bán hàng. Do đó, việc nguyên đơn xác định số nợ còn lại bị đơn chưa thanh toán và buộc bị đơn thanh toán tiền mua hàng là phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại nên được chấp nhận.

[4] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Bị đơn chưa thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn nên phải chịu khoản tiền lãi do chậm thanh toán. Nguyên đơn xác định các bên có thoả thuận thời hạn thanh toán là sau 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn, bị đơn không có ý kiến phản đối. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày thứ 31 kể từ ngày xuất hoá đơn đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại qui định về mức lãi suất

để tính là lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường. Xét thấy, mức lãi suất nợ quá hạn 1,3%/tháng mà nguyên đơn yêu cầu phù hợp với mức lãi suất trung bình của của Ngân hàng N1, Ngân hàng Đ và Ngân hàng N2 công bố trên website, cho nên cần chấp nhận yêu cầu đơn về lãi suất chậm thanh toán.

[5] Như vậy, số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn bao gồm:

+ Tiền gốc: 484.218.956 đồng

+ Tiền lãi chậm trả: 123.245.906 đồng

Tổng cộng: 607.464.862 đồng.

[6] Từ những phân tích, nhận định nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 257, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50, 306 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" với bị đơn Công ty TNHH N.

Buộc Công ty TNHH N phải thanh toán cho Công ty TNHH X các khoản tiền sau:

+ Tiền gốc: 484.218.956 đồng

+ Tiền lãi chậm trả: 123.245.906 đồng

Tổng cộng: 607.464.862 đồng (Sáu trăm lẽ bảy triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH N phải chịu 28.298.594 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm chín ngàn năm trăm chín mươi bốn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH X tiền tạm ứng án phí 18.085.485 đồng đã nộp theo lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00034562 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm